

Cà Mau, ngày 22 tháng 4 năm 2026

BẢNG CÔNG BỐ
THÔNG TIN NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 4/ 2026

1. Khu vực các phường, tỉnh Cà Mau

- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **31** mẫu/ tháng, trong đó:
 - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 21 mẫu;
 - + Số mẫu mạng phân phối: 10 mẫu (06 mẫu giữa mạng phân phối, 04 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (QCĐP 01:2022/CM).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.

2. Khu vực các xã, tỉnh Cà Mau

- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **64** mẫu/ tháng, trong đó:
 - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 26 mẫu;
 - + Số mẫu mạng phân phối: 38 mẫu (19 mẫu giữa mạng phân phối, 19 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (QCĐP 01:2022/CM).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.



STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	XNCN CM 1	Các trạm lẻ, nhà máy	15	15	15	0	15	0	
2	XNCN CM 2	Các trạm lẻ, nhà máy	16	16	16	0	16	0	
3	CNCN Cái Nước	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2	4	4	4	0	4	0	
4	CNCN Cái Đôi Vàm	Trạm bờ Nam Trạm bờ Bắc	6	6	6	0	6	0	
		Trạm Việt Thắng	3	3	3	0	3	0	
5	XNCN & MT Năm Căn	Trạm Năm Căn Trạm Hàng Vịnh	6	6	6	0	6	0	
6	CNCN Trần Văn Thời	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	4	4	4	0	4	0	
7	CNCN Sông Đốc	Trạm bờ Bắc Trạm bơm số 1	4	4	4	0	4	0	
		Trạm bờ Nam	3	3	3	0	3	0	
8	CNCN Phan Ngọc Hiển	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	4	4	4	0	4	0	
		Trạm Tân Ân	3	3	3	0	3	0	
9	CNCN Thới Bình	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2	4	4	4	0	4	0	
		Trạm Trí Phải	3	3	3	0	3	0	
		Trạm Khóm 4	3	3	3	0	3	0	
10	CNCN Khánh An	Trạm Khánh An	3	3	3	0	3	0	
		Trạm U Minh	3	3	3	0	3	0	

01019
 ĐNGT
 Ồ PHẢ
 P NUC
 À MA
 ANH-

STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
		Trạm Khánh Hội	3	3	3	0	3	0	
11	CNCN Đàm Dơi	Trạm bơm số 1	5	5	5	0	5	0	
		Trạm bơm số 2							
		Trạm bơm số 3	3	3	3	0	3	0	
		Trạm Quách Phẩm							
Tổng Cộng			95	95	95	0	95	0	
Tỉ lệ (%)					100	0	100	0	

Kết luận:

Chất lượng nước tại khu vực các phường, xã của tỉnh Cà Mau thuộc hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đang quản lý được kiểm soát, giám sát chặt chẽ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (QCĐP 01:2022/CM)./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com

Website: <https://ctncamau.com.vn/>

DANH SÁCH MẪU NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
1	CM1/04.2026	1	Đầu mạng Trạm 1	26.ĐK.0286	1/4	Tủ mát
2		2	Đầu mạng Trạm 2	26.ĐK.0287	1/4	Tủ mát
3		3	Đầu mạng Trạm 20	26.ĐK.0288	1/4	Tủ mát
4		4	Đầu mạng Trạm 23	26.ĐK.0289	1/4	Tủ mát
5		5	Đầu mạng Trạm 24	26.ĐK.0290	1/4	Tủ mát
6		6	Đầu mạng Trạm 27	26.ĐK.0291	1/4	Tủ mát
7		7	Đầu mạng Trạm 30	26.ĐK.0292	1/4	Tủ mát
8		8	Đầu mạng Nhà máy số 1	26.ĐK.0293	1/4	Tủ mát
9		9	Đầu mạng Trạm 18	26.ĐK.0294	1/4	Tủ mát
10		10	Đầu mạng Trạm Tác Vân	26.ĐK.0295	1/4	Tủ mát
11		11	25 đường 01/05, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0296	1/4	Tủ mát
12		12	3B đường An Dương Vương, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0297	1/4	Tủ mát
13		13	199 Lý Thường Kiệt, Khóm 7, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0298	1/4	Tủ mát
14		14	34F đường Huỳnh Thúc Kháng, P. Hòa Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0299	1/4	Tủ mát
15		15	203 QL1A, khóm 11, P. Tân Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0300	1/4	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
16	CM2/04.2026	1	Đầu mạng Trạm 15	26.ĐK.0301	1/4	Tủ mát
17		2	Đầu mạng Trạm 21	26.ĐK.0302	1/4	Tủ mát
18		3	Đầu mạng Trạm 26	26.ĐK.0303	1/4	Tủ mát
19		4	Đầu mạng Trạm 29	26.ĐK.0304	1/4	Tủ mát
20		5	Đầu mạng Trạm 4	26.ĐK.0305	1/4	Tủ mát
21		6	Đầu mạng Trạm 12	26.ĐK.0306	1/4	Tủ mát
22		7	Đầu mạng Nhà Máy số 2	26.ĐK.0307	1/4	Tủ mát
23		8	Đầu mạng Trạm 16	26.ĐK.0308	1/4	Tủ mát
24		9	Đầu mạng Trạm 25	26.ĐK.0309	1/4	Tủ mát
25		10	Đầu mạng Trạm 22	26.ĐK.0310	1/4	Tủ mát
26		11	Đầu mạng Trạm 31	26.ĐK.0311	1/4	Tủ mát
27		12	157 đường Nguyễn Tất Thành, khóm 8, P. LVL (giữa mạng)	26.ĐK.0312	1/4	Tủ mát
28		13	40 đường N13, Khu ĐT Bạch Đằng, P. LVL (cuối mạng)	26.ĐK.0313	1/4	Tủ mát
29		14	11 đường số 8, Khu TDC P4 (cũ), P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0314	1/4	Tủ mát
30		15	211 đường số 9 - Khu Minh Thắng, P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0315	1/4	Tủ mát
31		16	Thửa 202 đường Lê Đức Thọ, khóm 23, P. An Xuyên (cuối mạng)	26.ĐK.0316	1/4	Tủ mát
32	NC/04.2026	1	Đầu mạng Trạm Năm Căn	26.ĐK.0317	6/4	Tủ mát
33		2	Đầu mạng Trạm Hàng Vịnh	26.ĐK.0318	6/4	Tủ mát
34		3	Hồ Văn Minh, đường An Dương Vương, khóm 2, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0319	6/4	Tủ mát
35		4	Lê Ánh Tuyết, đường Nguyễn Tất Thành, khóm 6, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0320	6/4	Tủ mát
36		5	Trần Thị Nhiên, ấp Xóm Lớn, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0321	6/4	Tủ mát
37		6	Võ Quốc Vũ, ấp Cái Nây, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0322	6/4	Tủ mát



STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
38	CĐV/04.2026	1	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0323	6/4	Tủ mát
39		2	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0324	6/4	Tủ mát
40		3	Vương Hồng Nhiên, đường Trần Văn Thời, ấp 7, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0325	6/4	Tủ mát
41		4	Phạm Minh Trường, đường Trần Văn Thời, ấp 6, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0326	6/4	Tủ mát
42		5	Trần Thùy Linh, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0327	6/4	Tủ mát
43		6	Trần Anh Tuấn, đường Lý Văn Lâm, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0328	6/4	Tủ mát
44	SĐ/04.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Sông Đốc	26.ĐK.0329	7/4	Tủ mát
45		2	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Sông Đốc	26.ĐK.0330	7/4	Tủ mát
46		3	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Sông Đốc	26.ĐK.0331	7/4	Tủ mát
47		4	Nguyễn Văn Sơn, khóm 11, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ bắc)	26.ĐK.0332	7/4	Tủ mát
48		5	Trần Thị Soi, khóm 12, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ bắc)	26.ĐK.0333	7/4	Tủ mát
49		6	Bùi Tấn Oanh, khóm 1, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ nam)	26.ĐK.0334	7/4	Tủ mát
50		7	Nguyễn Văn Mới, khóm 5, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ nam)	26.ĐK.0335	7/4	Tủ mát
51	TVT/04.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0336	7/4	Tủ mát
52		2	Đầu mạng Trạm 3 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0337	7/4	Tủ mát
53		3	Lê Thanh Cảnh, đường Dương Văn Thà, khóm 11, xã Trần Văn Thời (giữa mạng)	26.ĐK.0338	7/4	Tủ mát
54		4	Lâm Anh Võ, đường Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 1, xã Trần Văn Thời (cuối mạng)	26.ĐK.0339	7/4	Tủ mát
55	CN/04.2026	1	Đầu mạng Trạm 1- Cái Nước	26.ĐK.0340	7/4	Tủ mát
56		2	Đầu mạng Trạm 2 - Cái Nước	26.ĐK.0341	7/4	Tủ mát
57		3	Nguyễn Bình Dân, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Nước (giữa mạng)	26.ĐK.0342	7/4	Tủ mát
58		4	Trần Triệu Cường, đường Nguyễn Khuyến, xã Cái Nước (cuối mạng)	26.ĐK.0343	7/4	Tủ mát

00010
CÔNG
CỐ PH
CẤP N
CÀ M
THÀNH

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
59	ĐD/04.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Đầm Dơi	26.ĐK.0344	13/4	Tủ mát
60		2	Đầu mạng Trạm 2 - Đầm Dơi	26.ĐK.0345	13/4	Tủ mát
61		3	Đầu mạng Trạm 3 - Đầm Dơi	26.ĐK.0346	13/4	Tủ mát
62		4	Phạm Thu Hà, đường Huỳnh Ngọc Diệp, khóm 5, xã Đầm Dơi (giữa mạng)	26.ĐK.0347	13/4	Tủ mát
63		5	Lê Thị Thái, đường Lê Khắc Xương, khóm 3, xã Đầm Dơi (cuối mạng)	26.ĐK.0348	13/4	Tủ mát
64		6	Đầu mạng Trạm Quách Phẩm - Đầm Dơi	26.ĐK.0349	13/4	Tủ mát
65		7	Đỗ Duy Quyền, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (giữa mạng)	26.ĐK.0350	13/4	Tủ mát
66		8	Phạm Văn Xinh, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (cuối mạng)	26.ĐK.0351	13/4	Tủ mát
67	UM/04.2026	1	Đầu mạng Trạm U Minh	26.ĐK.0352	13/4	Tủ mát
68		2	Đầu mạng Trạm Khánh An	26.ĐK.0353	13/4	Tủ mát
69		3	Đầu mạng Trạm Khánh Hội	26.ĐK.0354	13/4	Tủ mát
70		4	Trần Thị Vẹn, đường số 1, ấp 1, khu TĐC, xã Khánh An (giữa mạng)	26.ĐK.0355	13/4	Tủ mát
71		5	Diệp Vũ Khanh, T23, ấp 15, khu TĐC, xã Khánh An (cuối mạng)	26.ĐK.0356	13/4	Tủ mát
72		6	Nguyễn Văn Nị, khóm 1, xã Nguyễn Phích (giữa mạng)	26.ĐK.0357	13/4	Tủ mát
73		7	Lê Thị Tuyết, khóm 4, xã Nguyễn Phích (cuối mạng)	26.ĐK.0358	13/4	Tủ mát
74		8	Phạm Văn Sử, ấp 3, xã Khánh Lâm (giữa mạng)	26.ĐK.0359	13/4	Tủ mát
75		9	Nguyễn Hoàng Chiến, ấp 3, xã Khánh Lâm (cuối mạng)	26.ĐK.0360	13/4	Tủ mát
76	PNH/04.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0361	14/4	Tủ mát
77		2	Đầu mạng Trạm 3 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0362	14/4	Tủ mát
78		3	Đầu mạng Trạm 4 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0363	14/4	Tủ mát
79		4	Lê Công Trục, khóm 1, xã Phan Ngọc Hiển (giữa mạng)	26.ĐK.0364	14/4	Tủ mát
80		5	Đỗ Thị Bé, khóm 1, xã Phan Ngọc Hiển (cuối mạng)	26.ĐK.0365	14/4	Tủ mát
81		6	Trịnh Minh Tăng, đường 13/12, Khóm 3, xã Phan Ngọc Hiển (giữa mạng)	26.ĐK.0366	14/4	Tủ mát
82		7	Lưu Văn Đến, khóm 8, xã Phan Ngọc Hiển (cuối mạng)	26.ĐK.0367	14/4	Tủ mát

918-
TY
AN
JOC
AU
-T.CA

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
83	TB/04.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Thới Bình	26.ĐK.0368	14/4	Tủ mát
84		2	Đầu mạng Trạm 2 - Thới Bình	26.ĐK.0369	14/4	Tủ mát
85		3	Đầu mạng Trạm Trí Phải	26.ĐK.0370	14/4	Tủ mát
86		4	Lê Mỹ Khánh, đường Lê Duẩn, khóm 1, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0371	14/4	Tủ mát
87		5	Nguyễn Minh Bằng, đường 30/4, xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0372	14/4	Tủ mát
88		6	Ngô Hoàng Kha, ấp 1, xã Trí Phải (giữa mạng)	26.ĐK.0373	14/4	Tủ mát
89		7	Huỳnh Văn Đạm, ấp 1, xã Trí Phải (cuối mạng)	26.ĐK.0374	14/4	Tủ mát
90	TB.K4/04.2026	1	Đầu mạng Trạm khóm 4 - Thới Bình	26.ĐK.0375	14/4	Tủ mát
91		2	Phạm Minh Nguyễn, khóm 4, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0376	14/4	Tủ mát
92		3	Đặng Thanh Phong, khóm 4, xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0377	14/4	Tủ mát
93	CĐV.VT/04.2026	1	Đầu mạng Trạm Việt Thắng - xã Nguyễn Việt Khái	26.ĐK.0378	14/4	Tủ mát
94		2	Nguyễn Minh Thắng, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (giữa mạng)	26.ĐK.0379	14/4	Tủ mát
95		3	Nguyễn Thanh Tân, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (cuối mạng)	26.ĐK.0380	14/4	Tủ mát

Cà Mau, ngày 14 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Ngọc Hiền

P. TRƯỞNG PHÒNG



Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0286	26.ĐK.0287	26.ĐK.0288	26.ĐK.0289	26.ĐK.0290	26.ĐK.0291	26.ĐK.0292	26.ĐK.0293	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	7	8	8	7	8	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.50	0.51	0.48	0.43	0.45	0.50	0.44	0.44	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.73	0.76	0.84	0.70	0.70	0.74	0.73	0.84	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.89	7.92	7.92	7.88	7.91	7.90	7.87	7.89	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0294	26.ĐK.0295	26.ĐK.0296	26.ĐK.0297	26.ĐK.0298	26.ĐK.0299	26.ĐK.0300	
		9	10	11	12	13	14	15	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	7	7	8	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.52	0.50	0.44	0.43	0.57	0.53	0.57	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.85	0.72	0.44	0.43	0.46	0.45	0.46	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.87	7.89	7.91	7.90	7.91	7.92	7.94	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0301	26.ĐK.0302	26.ĐK.0303	26.ĐK.0304	26.ĐK.0305	26.ĐK.0306	26.ĐK.0307	26.ĐK.0308	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	8	7	8	8	8	7	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.48	0.46	0.45	0.47	0.44	0.44	0.45	0.42	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.79	0.79	0.83	0.84	0.70	0.70	0.83	0.84	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.92	7.83	7.88	7.89	7.92	7.89	7.90	7.88	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0309	26.ĐK.0310	26.ĐK.0311	26.ĐK.0312	26.ĐK.0313	26.ĐK.0314	26.ĐK.0315	26.ĐK.0316	
		9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	8	8	7	7	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.43	0.43	0.51	0.58	0.55	0.53	0.53	0.52	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.84	0.79	0.69	0.47	0.48	0.50	0.51	0.35	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.91	7.88	7.89	7.90	7.91	7.93	7.91	7.93	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN NĂM CĂN						CNCN CÁI ĐÔI VÀM						Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0 317	26.ĐK.0 318	26.ĐK.0 319	26.ĐK.0 320	26.ĐK.0 321	26.ĐK.0 322	26.ĐK.0 323	26.ĐK.0 324	26.ĐK.0 325	26.ĐK.0 326	26.ĐK.0 327	26.ĐK.0 328	
		1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	12	12	13	13	14	14	11	12	13	14	14	13	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	1.22	1.20	1.25	1.24	1.31	1.23	1.21	1.21	1.26	1.25	1.25	1.26	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.84	0.70	0.45	0.47	0.46	0.47	0.81	0.71	0.49	0.48	0.21	0.30	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.89	7.91	7.86	7.93	7.74	7.95	7.89	7.85	7.93	7.86	7.94	7.79	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN SÔNG ĐỐC							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0329	26.ĐK.0330	26.ĐK.0331	26.ĐK.0332	26.ĐK.0333	26.ĐK.0334	26.ĐK.0335	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	9	8	10	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.42	0.45	0.43	0.47	0.59	0.56	0.64	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.78	0.72	0.73	0.49	0.28	0.48	0.31	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.84	7.96	7.88	7.9	7.77	7.82	7.96	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN TRẦN VĂN THỜI				CNCN CÁI NƯỚC				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0336	26.ĐK.0337	26.ĐK.0338	26.ĐK.0339	26.ĐK.0340	26.ĐK.0341	26.ĐK.0342	26.ĐK.0343	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	8	8	7	9	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.44	0.41	0.54	0.52	0.50	0.51	0.52	0.63	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.77	0.69	0.47	0.30	0.84	0.85	0.46	0.30	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.76	7.85	7.95	7.82	7.91	7.89	7.95	7.76	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN ĐÀM DỜI								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0344	26.ĐK.0345	26.ĐK.0346	26.ĐK.0347	26.ĐK.0348	26.ĐK.0349	26.ĐK.0350	26.ĐK.0351	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	7	10	7	8	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.50	0.50	0.49	0.64	0.60	0.64	0.63	0.67	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.72	0.76	0.70	0.73	0.44	0.73	0.31	0.30	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.95	7.89	7.82	7.87	7.76	7.87	7.92	7.98	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

QT.10-BM.06

Ban hành: 07/2023

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

Trang 1/1



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN KHÁNH AN									Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0352	26.ĐK.0353	26.ĐK.0354	26.ĐK.0355	26.ĐK.0356	26.ĐK.0357	26.ĐK.0358	26.ĐK.0359	26.ĐK.0360	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	9	9	10	10	9	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.49	0.46	0.48	0.66	0.67	0.51	0.69	0.67	0.67	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.74	0.73	0.73	0.46	0.28	0.52	0.36	0.53	0.33	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.74	7.83	7.75	7.93	7.87	7.95	7.76	7.88	7.91	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI LẬP

P. TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Hiền

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN PHAN NGỌC HIỀN							CNCN THỐI BÌNH							Đánh giá kết quả
		26.ĐK. 0361	26.ĐK. 0362	26.ĐK. 0363	26.ĐK. 0364	26.ĐK. 0365	26.ĐK. 0366	26.ĐK. 0367	26.ĐK. 0368	26.ĐK. 0369	26.ĐK. 0370	26.ĐK. 0371	26.ĐK. 0372	26.ĐK. 0373	26.ĐK. 0374	
		1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	13	11	11	12	14	14	13	7	7	8	9	8	8	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.85	0.71	0.75	0.88	0.95	0.89	1.18	0.54	0.51	0.52	0.60	0.54	0.56	0.57	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.77	0.76	0.50	0.27	0.44	0.43	0.27	0.82	0.83	0.62	0.43	0.43	0.46	0.28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.78	7.96	7.85	7.94	7.99	7.81	7.88	7.88	7.96	7.84	7.81	7.93	7.87	7.99	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
Website: <https://ctncamau.com.vn/>

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
TRẠM KHÓM 4 - CHI NHÁNH CN THỚI BÌNH

TT	Mã số mẫu Thông số	KẾT QUẢ			Đối chiếu QCDP 01:2022/CM	Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0375	26.ĐK.0376	26.ĐK.0377		
		1	2	3		
	Màu sắc (*)	7	7	8	15 NTU	Đạt
2	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*)	0.52	0.54	0.57	2 NTU	Đạt
4	Clo dư (*)	0.67	0.45	0.26	0.2-1.0 mg/l	Đạt
5	pH (*)	7.85	7.87	7.92	6.0-8.5	Đạt
6	H.lượng Arsenic	Không phát hiện	Không phát hiện	Không phát hiện	0.01 mg/l	Đạt
7	Coliform TC	0	0	0	< 3 CFU /100ml	Đạt
8	E.Coli	0	0	0	< 1 CFU /100ml)	Đạt

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
Website: <https://ctncamau.com.vn/>

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 4/ 2026
TRẠM VIỆT THẮNG - CHI NHÁNH CN CÁI ĐÔI VÀM

TT	Mã số mẫu	KẾT QUẢ			Đôi chiếu QCDP 01:2022/CM	Đánh giá kết quả
	Thông số	26.ĐK.0378	26.ĐK.0379	26.ĐK.0380		
		1	2	3		
	Màu sắc (*)	13	14	14	15 NTU	Đạt
2	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*)	0.96	1	0.99	2 NTU	Đạt
4	Clo dư (*)	0.65	0.44	0.26	0.2-1.0 mg/l	Đạt
5	pH (*)	7.82	7.93	7.88	6.0-8.5	Đạt
6	H.lượng Arsenic	Không phát hiện	Không phát hiện	Không phát hiện	0.01 mg/l	Đạt
7	Coliform TC	0	0	0	< 3 CFU /100ml	Đạt
8	E.Coli	0	0	0	< 1 CFU /100ml)	Đạt

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 20 tháng 4 năm 2026
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan